

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI GOLAN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI GOLAN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2301053979

**3. Ngày thành lập:** 08/10/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Từ Phong, Xã Cách Bi, Huyện Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0983.780.333

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                              | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                      | 4101(Chính) |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                | 4102        |
| 3.  | Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò          | 0141        |
| 4.  | Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa    | 0142        |
| 5.  | Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai | 0144        |
| 6.  | Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn                    | 0145        |
| 7.  | Chăn nuôi gia cầm                                      | 0146        |
| 8.  | Chăn nuôi khác                                         | 0149        |
| 9.  | Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp  | 0210        |
| 10. | Nuôi trồng thủy sản nội địa                            | 0322        |
| 11. | Khai thác và thu gom than cứng                         | 0510        |
| 12. | Khai thác và thu gom than non                          | 0520        |
| 13. | Khai thác dầu thô                                      | 0610        |
| 14. | Khai thác khí đốt tự nhiên                             | 0620        |
| 15. | Khai thác quặng sắt                                    | 0710        |
| 16. | Khai thác quặng uranium và quặng thorium               | 0721        |
| 17. | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt           | 0722        |
| 18. | Khai thác quặng kim loại quý hiếm                      | 0730        |
| 19. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                        | 0810        |
| 20. | Khai thác khoáng hoá chất và khoáng phân bón           | 0891        |
| 21. | Khai thác và thu gom than bùn                          | 0892        |
| 22. | Khai thác muối                                         | 0893        |
| 23. | Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu                | 0899        |

|     |                                                                                       |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 24. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên                            | 0910 |
| 25. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác                                             | 0990 |
| 26. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                        | 2511 |
| 27. | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu                                                  | 3290 |
| 28. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                             | 5510 |
| 29. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                   | 4511 |
| 30. | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                           | 4512 |
| 31. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác                                                     | 4513 |
| 32. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác                                        | 4520 |
| 33. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác                    | 4530 |
| 34. | Bán mô tô, xe máy                                                                     | 4541 |
| 35. | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                   | 4542 |
| 36. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy                                 | 4543 |
| 37. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                          | 4661 |
| 38. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                   | 4662 |
| 39. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                               | 4663 |
| 40. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                     | 4669 |
| 41. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                    | 4719 |
| 42. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)   | 4931 |
| 43. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                | 4620 |
| 44. | Đào tạo trung cấp                                                                     | 8532 |
| 45. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục                                                               | 8560 |
| 46. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | 6810 |
| 47. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất                     | 6820 |
| 48. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác                                             | 7729 |
| 49. | Đại lý du lịch                                                                        | 7911 |
| 50. | Điều hành tua du lịch                                                                 | 7912 |
| 51. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch   | 7990 |
| 52. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu               | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 60.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

## 8. Cổ đông sáng lập:

| STT | Tên cổ đông    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | PHẠM VĂN TÚ    | Thôn Thắng Lợi Hạ, Xã Thắng Cương, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam          | Cổ phần phổ thông | 1.500.000  | 15.000.000.000        | 25,000    | 121982842                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số           | 1.500.000  | 15.000.000.000        | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | THÂN VĂN THẠCH | Thôn Trung, Xã Nội Hoàng, Huyện Yên Dũng, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam                   | Cổ phần phổ thông | 1.500.000  | 15.000.000.000        | 25,000    | 121034488                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số           | 1.500.000  | 15.000.000.000        | 25,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | PHẠM VĂN CHIẾN | Xóm Mỏ, Xã Xuân Lương, Huyện Yên Thế, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam                       | Cổ phần phổ thông | 3.000.000  | 30.000.000.000        | 50,000    | 121649262                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số           | 3.000.000  | 30.000.000.000        | 50,000    |                                                                                             |         |
|     |                |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

## 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM VĂN CHIẾN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 18/03/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 121649262

Ngày cấp: 21/06/2018

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Mỏ, Xã Xuân Lương, Huyện Yên Thế, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xóm Mỏ, Xã Xuân Lương, Huyện Yên Thế, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Thời gian đăng từ ngày 08/10/2018 đến ngày 07/11/2018

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh